

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn phường Ngọc Sơn năm 2026

Thực hiện Công văn số 17710/UBND-CNXXDKH ngày 13/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc giao xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn tỉnh; UBND Phường Ngọc Sơn xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn Phường Ngọc Sơn với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt triển khai nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ của cấp trên trong năm 2025, duy trì phát triển trong năm 2026 và các năm tiếp theo.
- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể; đồng thời, phân công trách nhiệm cho các cá nhân, phòng, ban và các ngành, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đồng bộ, kịp thời, thiết thực và hiệu quả.
- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, phường hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo đột phá trong cải cách hành chính, điều hành, quản trị công và phát triển bền vững.
- Xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; kịp thời động viên, khen thưởng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả và bổ sung, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.
- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ thông tin trong triển khai nhiệm vụ cấp bách và đột phá; Thực hiện đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trong thúc đẩy chuyển đổi số tại đơn vị trên địa bàn phường.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phải nghiêm túc, quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, đồng bộ; xác định đây là nhiệm vụ cấp bách. Các nhiệm vụ

được phân công cụ thể đưon vị thực hiện, cá nhân phụ trách, chịu, phải có sản phẩm cụ thể, đo lường được và hoàn thành đúng tiến độ đã đề ra.

- Các giải pháp của Kế hoạch phải hướng tới mục tiêu cuối cùng là nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo; tránh triển khai manh mún, cục bộ. Tập trung các giải pháp trọng tâm nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn đang cản trở tiến trình chuyển đổi số, bảo đảm điều kiện vận hành thông suốt, không gián đoạn.

- Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện. Kết quả chuyển đổi số phải được xem là một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

- Xác định rõ an ninh thông tin và bảo mật là tiên quyết trong công tác chuyển đổi số. Thường xuyên đánh giá, rà soát, chủ động phối hợp và tuân thủ tuyệt đối các quy định, tiêu chuẩn của cơ quan chuyên trách về an ninh thông tin và bảo mật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, bảo đảm đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo đúng quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện, nâng cấp hệ thống hạ tầng số.
- Hoàn thiện việc làm sạch các cơ sở dữ liệu dùng chung theo yêu cầu.
- Đẩy mạnh ứng dụng các ứng dụng số và khoa học, công nghệ vào các hoạt động kinh tế, văn hóa, phường hội, an ninh, quốc phòng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp hướng đến xây dựng một chính quyền phục vụ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng số

Phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông phân đầu:

- Phổ cập mạng cáp quang đến 100% các hộ gia đình.
- Mở rộng vùng phủ sóng 4G đạt tỷ lệ trên 100% trên địa bàn phường trong đó ưu tiên phát triển tại trung tâm hành chính, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm

công nghiệp và phần đầu số phát triển hệ thống trạm 5G phát sóng trong năm 2026.

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 60%.
- Tốc độ tải xuống trung bình của mạng băng rộng di động: tối thiểu 40 Mbit/s cho mạng 4G tại các khu vực phủ sóng dịch vụ (kết quả đo kiểm bằng ứng dụng i-Speed tại các địa phương).
- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s đạt 60%.
- Hệ thống thông tin tại các cơ quan khối Đảng, Chính quyền và MTTQ của phường được triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đủ năng lực kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.
- Ứng dụng công nghệ blockchain trong các ngành, lĩnh vực như tài chính - ngân hàng, giao thông - vận tải, y tế, giáo dục và đào tạo, thương mại, du lịch, nông nghiệp, cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực khác.

2.2. Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước

- Tiếp tục duy trì đảm bảo 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ văn bản có hồ sơ mật theo quy định).
- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, phường hội số.
- 100% cán bộ, công chức được tham gia các khóa học về chuyển đổi số trên nền tảng đào tạo trực tuyến đại trà.
- 100% thủ tục hành chính thuộc diện phi tiếp xúc được thực hiện trên dịch vụ công.
- 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải thực hiện trực tuyến.
- 99% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 99% thủ tục hành chính toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải được trả trên môi trường điện tử.

- 100% dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công phải được khai thác và sử dụng lại.

- 80% thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.

- 100% các nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát được thực hiện trên môi trường điện tử.

- 100% văn bản chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ thực hiện trên môi trường điện tử (trừ các nội dung mật).

2.3. Ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% các TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ quốc gia và được cung cấp trên các phương tiện truy cập khác nhau.

- 100% người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.

- 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- Bảo đảm cung cấp 981 dịch vụ công trực tuyến với số lượng hồ sơ trung bình của mỗi dịch vụ công phát sinh ít nhất 10 hồ sơ/năm (*không áp dụng chỉ tiêu này đối với những thủ tục hành chính có tần suất thấp, đối tượng tuân thủ và thuộc những lĩnh vực đặc thù*).

- 20% TTHC của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

- Bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng; thiết lập và vận hành ổn định Trung tâm phục vụ hành chính công của phường theo mô hình chính quyền mới, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn.

2.4. Phát triển Kinh tế số

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 18,7%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 50%.

- Tỷ lệ sản phẩm Ocop được đưa lên sàn thương mại điện tử đạt 100%.

2.5. Thúc đẩy xây dựng Phường hội số

- 100% người dân được hướng dẫn đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng

- Trung bình mỗi người dân có 01 kết nối Internet vạn vật (IoT-Internet of Things).
- Tỷ lệ dân số trưởng thành (từ 14 tuổi trở lên) có tài khoản định danh điện tử đạt trên 95%.
- 40% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử.
- 85% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại các ngân hàng hoặc các tổ chức hợp pháp khác.
- 90% giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt.
- 70% đối tượng nhận trợ cấp phường hội, người có công nhận tiền trợ cấp qua tài khoản.
- 92% dân số có sổ sức khỏe điện tử.
- 50% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.
- 100% trường Tiểu học đến Trung học cơ sở, Trung học phổ thông trên địa bàn phường hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở; cài đặt các ứng dụng vnEdu Teacher, vnEdu Connect để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh cập nhật thông tin, tương tác giữa nhà trường, gia đình và phường hội.
- 100% trường học trên địa bàn chấp nhận thanh toán các khoản theo quy định bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- 100% phụ huynh học sinh sử dụng sổ liên lạc điện tử hoặc nhóm Zalo lớp học để theo dõi, trao đổi thông tin.
- Từng bước hình thành môi trường giáo dục số, hỗ trợ hiệu quả cho công tác dạy - học và quản lý nhà trường.
- 100% các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn phường đã sử dụng hoá đơn điện tử.
- 100% các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn phường đã sử dụng kê khai thuế điện tử.
- 100% cán bộ y tế sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh và tiêm chủng điện tử, giúp theo dõi chính xác, nhanh chóng và giảm thủ tục hành chính.
- Công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, vệ sinh an toàn thực phẩm được chuyển mạnh sang các nền tảng số như zalo, facebook...

2.6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, toàn diện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, trọng tâm là bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp, trong đó:

- Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, gán nhãn tín nhiệm mạng trên trang thông tin điện tử.

- Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin theo quy định.

- Quán triệt thực hiện nghiêm quy chế đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong cơ quan, đơn vị. Đặc biệt quán triệt cán bộ, công chức nghiêm túc thực hiện các yêu cầu cơ quan trong việc đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong việc thực hiện và trao đổi thông tin khi thực hiện nhiệm vụ.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1 Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Trên cơ sở các nội dung thực hiện, Tổ giúp việc BCD tham mưu triển khai kế hoạch, tổ chức đôn đốc, tổng hợp báo cáo thường xuyên (hàng tuần, hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm).

- Các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, chỉ tiêu phụ trách xây dựng kế hoạch thực hiện và báo cáo theo quy định.

- Ủy ban nhân dân phường thành lập tổ kiểm tra, giám sát và xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát, báo cáo kết quả về Chủ tịch UBND - Trưởng ban chỉ đạo CDS phường .

- Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 của phường phải bám sát các nhiệm vụ được giao tổ chức chỉ đạo và thực hiện kịp thời, hiệu quả.

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác chuyển đổi số.

- Giao trách nhiệm cho người đứng đầu các cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao tại kế hoạch trước Trưởng ban chỉ đạo, UBND phường .

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, phòng, ban, cơ quan MTTQ, các ngành đoàn thể trong việc thực hiện kế hoạch.

1.2 Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch đảm bảo các quy định trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế phù hợp nhằm thúc đẩy công tác chuyển đổi số của địa phương, đặc biệt là đối với các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bán hàng.

- Trên cơ sở của pháp luật và chức năng nhiệm vụ của mình, UBND phường tăng cường công tác điều hành, giám sát các hoạt động được áp dụng các ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin.

1.3 Hạ tầng số

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng internet tốc độ cao...; đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng hệ thống dùng chung của cấp trên. Đảm bảo cán bộ, công chức có đủ trang thiết bị máy tính làm việc. Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

- Phối hợp rà soát bổ sung quy hoạch các trạm phát sóng mạng di động Viettel, VNPT, Mobifone đảm bảo cung cấp dịch vụ Internet 4G, 5G đảm bảo phát triển 5G trên địa bàn phường. Thời gian thực hiện: Hoàn thiện trước tháng 11 năm 2026.

- Phối hợp với viễn thông đảm bảo kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối từ Trung ương đến phường để phục vụ chính quyền số. Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

1.4 Nhân lực số

- Bồi dưỡng cho cán bộ chuyên trách đảm bảo đủ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số; duy trì và tăng cường hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng của phường và các TDP trên địa bàn. Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo cơ quan trên địa bàn về chuyển đổi số đạt trên 100%; ưu tiên thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phục vụ công cuộc chuyển đổi số. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước tháng 12 năm 2026.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phường ; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về: kỹ năng ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu công việc, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

- Tham gia các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin do cấp trên tổ chức. Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

1.5 Phát triển dữ liệu số

- Tăng cường phát triển dữ liệu số giúp việc thu thập, lưu trữ, xử lý và phân tích thông tin trở nên hiệu quả hơn, từ đó đưa ra các quyết định quản lý chính xác và kịp thời.

- Tiếp tục và tăng cường số hóa các quy trình hành chính tại phường giúp giảm tải giấy tờ, tiết kiệm thời gian, nguồn lực và nâng cao hiệu suất làm việc.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

1.6 An toàn thông tin mạng

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin (ATTT) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng internet trên địa bàn phường.

- Nâng cấp hệ thống mạng Lan nội bộ đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 1 ổn định theo quy định.

- Tiếp tục rà soát, cài đặt phần mềm VNPT Smart IR trên máy tính làm việc để bảo đảm an toàn thông tin đảm bảo 100%.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

1.7 Chính quyền số

- Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành TDoffice, Hệ thống thư điện tử, Cổng/Trang thông tin điện tử từ phường, Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử liên thông, Chứng thực điện tử,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

- Triển khai và sử dụng các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt.

- Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số có khả năng kết nối liên thông, liên kết, tạo sức mạnh tổng thể và mang lại hiệu quả triển khai, tránh trùng lặp, rời rạc.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; khai thác thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, của phường.

- Tập trung đẩy mạnh giải quyết TTHC trên dịch vụ công trực tuyến; nâng cao chỉ số người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn phường

- Tăng cường xử lý công việc, hồ sơ trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật); tích cực triển khai việc xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa dữ liệu của các phòng, ban, ngành cấp phường. Chỉ đạo, đôn đốc người dùng thường xuyên thay đổi mật khẩu phần mềm TDoffice của các phòng, ban, trung tâm.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

1.8 Kinh tế số và xã hội số

- Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai kinh tế số, phát triển thanh toán điện tử cho hộ gia đình kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần kinh tế.

- Ứng dụng rộng rãi sàn thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến, không dùng tiền mặt trong cộng đồng.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G trong cơ quan cấp ủy, chính quyền, trường học và các nhà văn hoá thôn.

- Triển khai hoạt động có hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng và Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ và hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính.

- Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông nghiệp, thương mại.

- Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo và y tế xây dựng hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy và học; trong công tác chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh, chú trọng xây dựng và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân...

- Triển khai chương trình thanh niên với chuyển đổi số, gồm: nâng cao nhận thức của Đoàn viên thanh niên với chuyển đổi số; đồng hành với thanh niên trong phong trào thi đua chuyển đổi số; thanh niên xung kích trong hoạt động chuyển đổi số; thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên trong năm.

1.9 Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan đơn vị về chuyển đổi số, kỹ năng số và công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng. tối thiểu 01 lớp cho cán bộ, công chức, viên chức.

Thời gian: thực hiện trong quý IV năm 2026.

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Ưu tiên kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trình độ, kiến thức về CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

2. Giải pháp

Để thực hiện chuyển đổi số hiệu quả tại Phường Ngọc Sơn năm 2026, cần có các giải pháp toàn diện, phù hợp với đặc thù của phường vùng cao biên giới còn nhiều khó khăn. Các giải pháp tập trung vào ba trụ cột chính là Chính quyền số, Kinh tế số và Phường hội số, đồng thời phải có sự phối hợp chặt chẽ với các cấp ngành và người dân.

2.1 Giải pháp về hạ tầng và thể chế

- Tăng cường hạ tầng viễn thông: Tiếp tục đầu tư và nâng cấp hạ tầng mạng lưới di động, internet cáp quang để đảm bảo duy trì phủ sóng toàn phường. Phối hợp với các nhà mạng để triển khai các chương trình hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho các hộ gia đình khó khăn.

- Phát triển mạng lưới và tăng cường vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đưa chuyển đổi số đến từng người dân, giúp họ tiếp cận và sử dụng công nghệ một cách thuận thực.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số phường chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

2.2 Giải pháp về chính quyền số

- Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến: Tiếp tục triển khai và hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần và mức độ toàn trình trên Cổng dịch vụ công; thực hiện số hóa 100% hồ sơ, văn bản công việc của phường.

- Tập huấn cho cán bộ, công chức: Tổ chức các lớp tập huấn thường xuyên về kỹ năng số, bảo mật thông tin và ứng dụng các phần mềm chuyên ngành. Nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách công nghệ thông tin cấp phường để hỗ trợ người dân và đồng nghiệp.

- Sử dụng phần mềm quản lý văn bản: Ứng dụng các phần mềm quản lý văn bản và điều hành điện tử để giảm thiểu giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý công việc và tăng tính minh bạch.

2.3 Giải pháp về kinh tế số

- Hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên sàn thương mại điện tử: Tập trung vào các sản phẩm đặc trưng của địa phương như sản phẩm các làng nghề, sản phẩm nông nghiệp giá trị cao như cây ổi, cây quýt, cây đào, cây cảnh, hoa,... Đào tạo, hướng dẫn người dân kỹ năng chụp ảnh, viết bài, đóng gói và quảng bá sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử như Shopee, Lazada hoặc các nền tảng mạng xã hội.

- Ứng dụng công nghệ vào sản xuất: Khuyến khích người dân ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, quản lý cây trồng, vật nuôi bằng các ứng dụng trên điện thoại thông minh. Ví dụ: sử dụng app để theo dõi thông tin thời tiết, giá cả thị trường.

2.4 Giải pháp về xã hội số

- Phổ cập kỹ năng số cho người dân: Tổ chức các lớp học ngắn hạn, các buổi sinh hoạt tại thôn để hướng dẫn người dân sử dụng điện thoại thông minh, internet một cách hiệu quả và an toàn. Đặc biệt chú trọng hướng dẫn người già và phụ nữ.

- Thanh toán không dùng tiền mặt: Phối hợp với các ngân hàng và ví điện tử để tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các phương thức thanh toán điện tử. Đẩy mạnh việc sử dụng tài khoản ngân hàng để nhận các khoản trợ cấp, hỗ trợ.

- Số hóa giáo dục và y tế:

- + Giáo dục: Trang bị máy tính, thiết bị kết nối internet cho các trường học. Hướng dẫn giáo viên sử dụng các nền tảng học trực tuyến, giúp học sinh tiếp cận kiến thức từ xa.

- + Y tế: Ứng dụng hồ sơ sức khỏe điện tử, giúp quản lý thông tin sức khỏe của người dân hiệu quả hơn, đặc biệt trong việc theo dõi bệnh tật và tiêm chủng.

2.5 Các hoạt động trọng tâm trong năm 2026

- Quý I/2026: Hoàn thiện các văn bản chỉ đạo, điều hành, phân công giao trách nhiệm thực hiện.

- Quý II/2026: Triển khai tập huấn kỹ năng số cơ bản cho toàn thể người dân và cán bộ phường .

- Quý III/2026: Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ các hộ sản xuất tham gia sàn thương mại điện tử, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

- Quý IV/2026: Tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 phường :

- Chỉ đạo các phòng, bộ phận liên quan thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2025 và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ năm 2026.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số theo kế hoạch; sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm về chuyển đổi số trong năm 2026.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch chi tiết, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra và giám sát toàn bộ quá trình chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Phòng Văn hóa và phường hội:

- Là cơ quan thực trực Ban chỉ đạo, là thành viên chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số đảm bảo hiệu quả, thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

- Chủ trì triển khai đồng bộ Kế hoạch này với kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch số 1435/KH-VP ngày 17/07/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về triển khai Kế hoạch số 285-KH/TU ngày 27/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông tập huấn, hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng kiến thức về công nghệ thông tin, có kỹ năng sử dụng nền tảng số, khả năng tuyên truyền, phát huy vai trò và nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.

- Phát động phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số”, mở ít nhất 02 lớp “Bình dân học vụ số” trong năm 2026 .

- Tổng hợp tình hình, báo cáo Chủ tịch UBND phường và cấp trên kết quả triển khai Kế hoạch.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong các hoạt động giáo dục tại các trường học trên địa bàn, bao gồm các nền tảng học tập trực tuyến.

- Xây dựng một trang web hoặc fanpage chính thức của phường để quảng bá hình ảnh văn hóa, con người và thiên nhiên Ngọc Sơn. Sử dụng mã QR để cung cấp thông tin tại các điểm du lịch.

- Xây dựng trang Zalo OA để thực hiện tiếp thu phản ánh của người dân và tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước và chính sách, chủ trương của địa phương,

3. Văn phòng HĐND và UBND phường :

- Tăng cường công tác chỉ đạo, khai thác và vận hành tốt các hệ thống thông tin: Hội nghị truyền hình trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, báo cáo Chính phủ.

- Ứng dụng các nền tảng số để quản lý và tra cứu các văn bản pháp luật, hỗ trợ công tác phổ biến pháp luật đến người dân.

- Trên cơ sở số liệu báo cáo tổ chức đánh giá, dự báo và tham mưu các giải pháp chỉ đạo điều hành của chính quyền địa phương.

4. Trung tâm phục vụ hành chính công:

- Thực hiện Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của phường đảm bảo thông suốt, đúng quy trình; đẩy mạnh tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả; tăng cường tỷ lệ thanh toán trực tuyến qua phần mềm dịch vụ công trực tuyến.

- Là đầu mối tập trung để giám sát, theo dõi và đôn đốc quá trình giải quyết TTHC.

- Cung cấp thông tin, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, thúc đẩy Chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

5. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công

- Chủ trì triển khai công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử, mạng phường hội... để các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia thực hiện.

- Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động tuyên truyền.

6. Phòng kinh tế

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa - Phường hội tham mưu UBND phường phương án nguồn kinh phí chi thường xuyên để triển khai thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện các nội dung phát triển kinh tế số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Số hóa các thông tin về hồ sơ đất đai, bản đồ địa chính để quản lý hiệu quả và minh bạch hơn.

- Phát triển nông nghiệp số: Hướng dẫn người dân áp dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ số để sản xuất. Phối hợp với các đơn vị liên quan để hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên các sàn thương mại điện tử.

7. Công an phường

- Tiếp tục triển khai Đề án 06 trên địa bàn phường .

- Đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống số của phường , tuyên truyền, hướng dẫn người dân phòng chống các rủi ro, lừa đảo trên mạng.

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban, đơn vị khai thác và sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hướng dẫn người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, các dịch vụ liên quan đến căn cước công dân.

8. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam phường :

- Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên mình tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

- Tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các Hội viên và các tầng lớp Nhân dân biết cách sử dụng mạng phường hội; các dịch vụ thanh toán điện tử, chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống tương tác giữa chính quyền và người dân.

- Tham gia tích cực Tổ công nghệ số cộng đồng, tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ về chính quyền điện tử, xây dựng các mô hình về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các hoạt động.

9. Đề nghị các doanh nghiệp tư chính, viễn thông hoạt động trên địa bàn phường :

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng trên địa bàn phường .

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - xã hội triển khai tập huấn các công nghệ mới, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

10. Các Tổ Công nghệ số cộng đồng:

- Tăng cường phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh và internet an toàn.

- Hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.

- Hỗ trợ người dân tham gia các hoạt động kinh tế số như bán nông sản trên sàn thương mại điện tử.

- Truyền thông về lợi ích của chuyển đổi số để thay đổi nhận thức người dân.

- Phối hợp với Phòng kinh tế để hỗ trợ kinh doanh nông sản trên sàn điện tử, xác định sản phẩm chủ lực, lựa chọn các sản phẩm đặc trưng của Ngọc Sơn để tập trung hỗ trợ.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Có Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số Phường Ngọc Sơn năm 2026, các phòng, ban ngành, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện. Hàng quý các phòng, ban, đơn vị báo cáo vào tuần cuối của tháng cuối trong quý về tiến trình và kết quả thực hiện về UBND phường (qua Phòng Văn hóa - xã hội, địa chỉ email: Lequangtuan@gmail.com) và phản ánh các khó khăn vướng mắc (nếu có) để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND phường chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (Báo cáo);
- TTr: Đảng ủy, HĐND phường (Báo cáo);
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể (phối hợp);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường ;
- Các phòng, trung tâm, đơn vị trên địa bàn(th/h);
- Các doanh nghiệp trên địa bàn phường (th/h);
- Các doanh nghiệp viễn thông (ph/h);
- Các TDP, Tổ CNSCĐ(th/h);
- Lưu: VT, VHXH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Xuân

Phụ lục 1:
CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Chỉ tiêu
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG		
1	Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	60%
2	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	60%
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC		
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	100%
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100%
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80%
III	PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ		
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	100%
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100%
3	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	100%
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	99%
5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	99%
6	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100%
7	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử (*)	%	100%

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Chỉ tiêu
8	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công (*)	%	100%
9	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công (*)	%	80%
10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%
11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100%
12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100%
13	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt (*)	%	90%
14	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	85%
15	Tỷ lệ hệ thống thông tin của phường được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây	%	40%
16	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	50%
17	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	95%
18	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	%	40%
19	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	≥ 92%
20	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công	Có	Có
21	Quy mô kinh tế số trong GRDP	%	18,7%

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Chỉ tiêu
22	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành các ngành, kết nối, chia sẻ đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia (*)	Dữ liệu	Cơ bản hoàn thành
23	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1.000 dân	0.2
IV	TỶ LỆ ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CHO PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ	%	$\geq 1.5\%$

Phụ lục 2:
DANH MỤC PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
(Kèm theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026)

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng kiến thức về công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng nền tảng số, khả năng tuyên truyền, phát huy vai trò và nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số.	- 4 buổi tập huấn tập trung cấp phường . - 5 buổi tập huấn cấp thôn.	Quý III năm 2026	Phòng VH&XH	Các phòng, ngành, đơn vị có liên quan, doanh nghiệp BCVT, VNPT	
2	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	Tối thiểu 02 lớp cho cán bộ, công chức, viên chức CQ UBND phường	Quý III/2026	Phòng VH&XH	Sở Khoa học và Công nghệ	
3	Tổ chức lớp “Bình dân học vụ số”	- 2 lớp bồi dưỡng	Quý III/2026	Phòng VH&XH	Trung tâm học tập cộng đồng, TDP, Tổ CNSCĐ.	
4	Phát sóng thông tin về CDS trên đài truyền thanh và Hệ thống FM phường	01 lần/tuần	Thường xuyên	Trung tâm CUDVC	Các phòng, ban	
5	Phối hợp các đơn vị cung ứng dịch vụ viễn thông rà soát, bổ sung các trạm phát sóng di động	01 lần/năm	Khảo sát tổng thể lần 1 trước ngày 20/11 sau đó định	Phòng VH&XH	Các đơn vị cung ứng dịch vụ viễn thông	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
			kỳ khảo sát, bổ sung			
6	Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, thi trực tuyến, học trực tuyến do Sở KH&CN tổ chức	Tham gia đầy đủ, đúng thành phần, chất lượng	Theo chỉ đạo của Sở	Các phòng, CB, CC cơ quan		
7	Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, tỷ lệ thanh toán trực tuyến.	02 hội nghị/năm	Thường xuyên	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng chuyên môn	
8	Khảo sát, nâng cao tỷ lệ người dùng điện thoại, thiết bị thông minh tiếp cận các dịch vụ chính quyền điện tử	Tổ Ứng cứu CNTT, Tổ Công nghệ số Cộng đồng cấp phường, thôn tập trung hỗ trợ người dân	Thường xuyên	Phòng VH&XH; Trung tâm PVHCC	Các phòng, đơn vị; Tổ chức chính trị phường hội	
9	Triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn phường	Công an phường chủ trì xây dựng Kế hoạch triển khai cụ thể	Thường xuyên	Công an phường	Trung tâm PV HCC; các phòng	
10	Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị CNTT đảm bảo đáp ứng yêu cầu CDS	- Máy tính kết nối mạng LAN đảm bảo 100%	Thường xuyên	Văn phòng HĐND-UBND	Các phòng có liên quan	
11	Thực hiện chuyển đổi số trong chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh		Thường xuyên	Cơ sở Y tế	Phòng VH&XH	

TT	Tên nhiệm vụ	Yêu cầu kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
12	Thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong các hoạt động giáo dục tại các trường học trên địa bàn, bao gồm các nền tảng học tập trực tuyến		Thường xuyên	Phòng VH&XH	Các trường học	

PHỤ LỤC 3:

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN*(Kèm theo Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026)*

STT	Tên dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán/Cơ sở pháp lý đề xuất	Tổng mức đầu tư/Dự toán kinh phí			Nhu cầu vốn/Dự toán năm 2026		
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
				NS tỉnh	Nguồn khác		NS tỉnh	Nguồn khác
	Tổng cộng		7,100	4,700	2,400	7,100	4,700	2,400
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		5,350	4,700	650	5,350	4,700	650
I	Các dự án, nhiệm vụ năm 2025 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2026							
II	Các dự án, nhiệm vụ triển khai mới trong năm 2026		5,350	4,700	650	5,350	4,700	650
1	Nhiệm vụ: Đầu tư các điểm rút tiền tự động tại các phường và TDP phục vụ chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công, đối tượng BTXH, cán bộ, công chức, hưu trí và các đối tượng khác	Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh phường hội không dùng tiền mặt;	2,500	2,500		2,500	2,500	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán/Cơ sở pháp lý đề xuất	Tổng mức đầu tư/Dự toán kinh phí			Nhu cầu vốn/Dự toán năm 2026		
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
				NS tỉnh	Nguồn khác		NS tỉnh	Nguồn khác
2	Nhiệm vụ: Phát triển công dân số : Mua sắm máy móc, trang thiết bị để thực hiện các quy định chuyển tiếp giấy tờ công dân của Luật Căn cước trong các giao dịch, giải quyết TTHC.	Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	350		350	350		350
2	Nhiệm vụ: Thiết lập đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông	Căn cứ Nghị quyết số 500/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng và triển khai hệ thống đài truyền thanh thông minh cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2024-2027	2,500	2,200	300	2,500	2200	300
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		1,750		1,750	1,750		1,750
I	Các dự án, nhiệm vụ năm 2025 chuyển tiếp thực hiện sang năm 2026							
II	Các dự án, nhiệm vụ triển khai mới trong năm 2026		1,750		1750	1,750		1,750

STT	Tên dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán/Cơ sở pháp lý đề xuất	Tổng mức đầu tư/Dự toán kinh phí			Nhu cầu vốn/Dự toán năm 2026		
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
				NS tỉnh	Nguồn khác		NS tỉnh	Nguồn khác
1	Nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực (chỉ đào tạo, bồi dưỡng, thuê chuyên gia...)	Công văn số 452/TTg-KSTT ngày 23/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ “điểm nghẽn” triển khai Đề án 06;	250		250	250		250
2	Nhiệm vụ: Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề Đề án 06	Căn cứ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	800		800	800		800
3	Nhiệm vụ: Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin	Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	200		200	200		200
4	Nhiệm vụ: thực hiện an toàn thông tin cấp độ năm 2025 và kinh phí thực hiện chuyển đổi số năm 2026	Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của	400		400	400		400

STT	Tên dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Quyết định phê duyệt dự án, dự toán/Cơ sở pháp lý đề xuất	Tổng mức đầu tư/Dự toán kinh phí			Nhu cầu vốn/Dự toán năm 2026		
			Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó	
				NS tỉnh	Nguồn khác		NS tỉnh	Nguồn khác
		Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;						
5	Nhiệm vụ: Duy trì Trang thông tin điện tử phường	Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022	100		100	100		100